

BÁO CÁO

Sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Văn bản số 1169/BNN-TCLN ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là *Chỉ thị số 13*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Khái quát hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2016

Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng đến năm 2016, tỉnh Kon Tum có 779.913,5 ha rừng và đất lâm nghiệp, trong đó: Diện tích có rừng 603.047,7 ha, bao gồm: 546.388,75 ha rừng tự nhiên; 56.659,1 ha rừng trồng (có 35.466,2 ha cao su và cây đặc sản) và 176.865,7 ha đất trống.

Từ năm 2011 đến năm 2016, căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Kon Tum đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác để thực hiện các công trình hạ tầng - kỹ thuật, các dự án phát triển kinh tế - xã hội nên diện tích rừng trên địa bàn tỉnh có giảm đi trong giai đoạn này, cụ thể diện tích rừng năm 2011 là 631.953,87 ha với độ che phủ rừng 64,61%, giảm còn 603.048,04 ha với độ che phủ rừng 62,20% vào năm 2016.

2. Hiện trạng tài nguyên rừng năm 2017 và 2022

Sau khi Chỉ thị số 13 được ban hành, tỉnh Kon Tum đã thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng và không thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện còn sang mục đích khác, trừ các dự án được Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương chuyển đổi; không giao chỉ tiêu khai thác kể cả diện tích rừng đã được cấp chứng chỉ khai thác rừng bền vững FSC của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô. Năm 2017, diện tích có rừng là 602.334,02 ha (*rừng tự nhiên 545.807,33 ha; rừng trồng 56.526,69 ha*), độ che phủ rừng đạt 62,3%. Đến 31 tháng 12 năm 2021, diện tích có rừng là 610.612,54 ha (*rừng tự nhiên 547.580,86 ha; rừng trồng 63.031,68 ha*), độ che phủ rừng đạt là 63,12%.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

Giai đoạn 2011 - 2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có trọng tâm, trọng điểm như: Kết luận số 04-KL/TU ngày 13 tháng 01 năm 2016 về công tác đấu tranh, ngăn chặn hoạt động khai thác, vận chuyển, cất giữ, mua bán lâm sản trái pháp luật; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 07 tháng 10 năm 2016 về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Phương án giải quyết đất giao chồng lấn, đất lấn chiếm nằm trên lâm phần các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh⁽¹⁾; Phương án tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020⁽²⁾, Kế hoạch phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng⁽³⁾... Bên cạnh đó, còn có nhiều văn bản khác triển khai các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cụ thể trên địa bàn tỉnh.

Qua triển khai thực hiện, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (QLBVPTR) trên địa bàn tỉnh đã được thống nhất trong toàn hệ thống chính trị từ cấp ủy Đảng đến chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể các cấp, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp về lực lượng, phương tiện và vị thế pháp lý trong quá trình kiểm tra, truy quét, trấn áp các đối tượng vi phạm, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp cũng như công tác đầu tư và phát triển rừng.

Nhận thức về trách nhiệm và khả năng điều hành công tác QLBVPTR của cấp ủy và chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, tổ chức thực hiện có hiệu quả rõ rệt, các cấp ủy Đảng ở địa phương đã vào cuộc và trực tiếp chỉ đạo, triển khai đồng bộ các biện pháp, qua đó đã ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn.

⁽¹⁾ Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 22-11-2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽²⁾ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 26-5-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽³⁾ Kế hoạch số 3079/KH-UBND ngày 13-12-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Phần II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP

I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Ngay sau khi Chỉ thị số 13 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ ban hành, Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV đã ban hành Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 05 tháng 5 năm 2017 thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương *"về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng"* trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2018 về Chương trình hành động triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Theo đó các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành đã xây dựng văn bản cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện các văn bản nêu trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đồng thời tổ chức quán triệt đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, chi bộ, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân để thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã tham mưu và ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch chỉ đạo triển khai thực hiện công tác QLBPTR trên địa bàn tỉnh⁽⁴⁾; trong đó tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm như:

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trọng tâm là Chỉ thị số 13 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh và Kết luận số 04-KL/TU, ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ban

⁽⁴⁾ Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác QLBPTR; trọng tâm là Kết luận số 04-KL/TU, ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đấu tranh, ngăn chặn hoạt động khai thác, vận chuyển, cất giữ, mua bán lâm sản trái pháp luật; Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2086/KH-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững đến 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tỉnh ủy về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 443/KH-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Chỉ thị tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đấu tranh, ngăn chặn hoạt động khai thác, vận chuyển, cất giữ, mua bán lâm sản trái pháp luật.

2. Rà soát, cập nhật các điểm nóng và nắm chắc thông tin các đối tượng, tổ chức, cá nhân phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật để kiểm tra, xử lý nghiêm, dứt điểm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng hướng đến quản lý, sử dụng và khai thác bền vững tài nguyên rừng.

3. Xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Đặc biệt chú trọng việc nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; Nêu cao tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của lực lượng làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

4. Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ, các cơ sở mộc dân dụng; kiên quyết đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép các cơ sở vi phạm (*ngoài quy hoạch, không có giấy phép, không chứng minh được nguồn gốc...*).

5. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cơ sở chế biến lâm sản, mộc dân dụng; đồng thời, khẩn trương quy hoạch, ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố và sớm di dời các cơ sở chế biến lâm sản vào các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

6. Theo dõi, giám sát, quản lý chặt chẽ các dự án có chuyên mục đích sử dụng rừng trên địa bàn. Thực hiện chủ trương không diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác (*trừ các dự án phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Chính phủ quyết định*).

7. Chủ động trong việc đẩy mạnh hợp tác song phương với nước bạn Lào trong việc bảo vệ rừng tại khu vực biên giới. Tranh thủ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tài trợ nước ngoài dành cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Chính quyền địa phương các cấp đã xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện tốt và có hiệu quả các giải pháp đề ra; đồng thời thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, đôn đốc các trường hợp chưa triển khai thực hiện nghiêm và đã báo cáo đầy đủ đến cấp thẩm quyền khi có yêu cầu.

(Tổng hợp theo phụ lục số 01)

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỪ KHI CÓ CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP

1. Công tác tuyên truyền: Luôn được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện và xác định là trách nhiệm của tổ chức, cán bộ, đảng viên và các hộ gia đình,

cá nhân. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức và nội dung để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số sống gần rừng, tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Việc sử dụng các tư liệu xét xử, xét xử công khai các vụ án vi phạm Luật Lâm nghiệp để tuyên truyền đã phát huy tính răn đe, tác động tích cực đến nhận thức của người dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp. Đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (*Tổng hợp theo phụ lục 02*)

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

a) Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý Nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp

Đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp, kiện toàn, bố trí đội ngũ công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo tinh thần Chỉ thị số 13-CT/TW. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thành lập các Tổ công tác liên ngành quản lý, bảo vệ rừng cấp tỉnh, huyện, xã theo hướng tinh gọn, đảm bảo triển khai thực hiện thông suốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn⁵.

Năm 2018, đã sắp xếp lại các Ban quản lý rừng phòng hộ (*giải thể Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Ang; thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei trên cơ sở hợp nhất 03 Ban quản lý rừng: Đăk Long, Đăk Nhoong và Đăk Blô*). Năm 2019, đã giải thể 05 Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (*các Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ: Thạch Nham, Tu Mơ Rông; Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia Chư Mom Ray; Hạt Kiểm lâm Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Đăk Uy*). Sau kiện toàn, bộ máy Ban quản lý rừng phòng hộ, Hạt Kiểm lâm đã tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thống nhất một đầu mối quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp.

b) Quyết định phân công, phân cấp cụ thể trách nhiệm quản lý Nhà nước cho chính quyền cơ sở, quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền, cơ quan, tổ chức về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự điều hành quyết liệt và thông suốt của chính quyền địa phương. Các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã được cụ thể hóa, phân công, phân cấp, quy định rõ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

⁵ Trên địa bàn tỉnh có 01 Ban chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh; 01 Tổ công tác liên ngành cấp tỉnh; 10 Ban chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Tổ công tác liên ngành cấp huyện và 85 BCD công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Tổ công tác liên ngành cấp xã.

c) Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ: Đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường quản lý các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, cơ sở mộc dân dụng; thường xuyên theo dõi, kiểm soát, quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ và kinh doanh lâm sản và mộc dân dụng trên địa bàn. Rà soát, kiểm tra các hồ sơ mua bán gỗ, nhất là các hồ sơ gỗ có nguồn gốc từ xử lý tịch thu nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản vi phạm các quy định. Đồng thời đã chỉ đạo các ngành chức năng theo chức năng nhiệm vụ tiến hành rà soát, di dời các cơ sở chế biến, cơ sở mộc vào mạng lưới quy hoạch theo quy định của pháp luật. Hiện nay, các cơ sở chế biến lâm sản đều hoạt động trong khu quy hoạch mạng lưới chế biến của tỉnh Kon Tum.

d) Quản lý chặt chẽ tình trạng dân di cư tự do tại nơi đi và nơi đến: Đã tăng cường quản lý dân di cư tự do, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân trở lại nơi cư trú cũ, trường hợp xác định người dân thực sự không có điều kiện về nơi ở cũ thì tổ chức ổn định cuộc sống, giải quyết đất sản xuất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, không để xảy ra tình trạng phá rừng lấy đất sản xuất. Điển hình, năm 2018, có 17 hộ với 62 nhân khẩu (*chủ yếu là người Dao, Sán Chỉ*) di dân vào xã Mô Rai, huyện Sa Thầy; chính quyền xã Mô Rai đã tạo điều kiện chỗ ở và việc làm ổn định (*các nhân khẩu trong độ tuổi lao động được nhận vào làm công nhân cạo mù cho các công ty cao su⁽⁶⁾*), không làm phức tạp công tác quản lý bảo vệ rừng.

đ) Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của lực lượng Kiểm lâm: Đã từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức lực lượng Kiểm lâm từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Hàng năm, đều đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức để củng cố, bổ sung lực lượng (*từ năm 2017 đến nay đã tuyển dụng mới 54 công chức kiểm lâm*). Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, vũ khí, công cụ hỗ trợ... cho lực lượng Kiểm lâm; chú trọng đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Thường xuyên rà soát, sắp xếp vị trí việc làm, điều động, luân chuyển đội ngũ công chức phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực, sở trường, đúng quy định. Từ năm 2017 đến năm 2022 đã điều động, luân chuyển 326 lượt công chức và cử 567 lượt công chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

e) Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát: Việc kiểm tra, giám sát công tác QLBPTR luôn được chú trọng. Đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức 119 đợt kiểm tra công tác QLBPTR, lồng ghép việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13 tại các địa phương, đơn vị⁽⁷⁾; tổ chức 25 cuộc thanh tra

⁽⁶⁾ Các nhân khẩu trong độ tuổi lao động được nhận vào làm Công nhân cạo mù cao su cho các công ty cao su.

⁽⁷⁾ Năm 2017: Tổ chức 03 đợt kiểm tra đối với 11 lượt Ban chỉ huy, Tổ công tác liên ngành QLBPTR cấp huyện và 25 lượt đơn vị chủ rừng, 04 lượt đơn vị trồng cao su trên đất lâm nghiệp. Năm 2018: Tổ chức 05 đợt kiểm tra đối với 10 tổ công tác liên ngành QLBPTR cấp huyện; 24 lượt đơn vị chủ rừng; 04 đơn vị trồng cao su trên đất lâm nghiệp; 08 đơn vị thuê đất lâm nghiệp thực hiện dự án; làm việc với UBND 28 xã trên địa bàn 07 huyện, thành phố. Năm 2019: Tổ chức 19 đợt Kiểm tra đối với 08 Tổ công tác liên ngành QLBPTR cấp huyện; 65 lượt đơn vị chủ rừng

chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực QLBNR đối với 25 đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh⁽⁸⁾. Qua đó đã kịp thời nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác QLBNR.

d) Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp

Công tác phát hiện và xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp luôn được thực hiện nghiêm minh, kịp thời, dứt điểm, nâng cao tính răn đe giáo dục trong cộng đồng và giảm thiểu được tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các lực lượng chức năng thường xuyên, quyết liệt trong công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp. Tổ chức diễn tập quản lý, bảo vệ rừng cấp tỉnh, huyện xã để nâng cao năng lực chỉ đạo và thực thi nhiệm vụ, chủ động ứng phó với các tình huống phức tạp xảy ra. Qua đó, các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp đã được phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, dứt điểm từng vụ việc; nâng cao tính răn đe giáo dục trong cộng đồng và giảm thiểu được tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp. Từ năm 2017 đến 2022, trên địa bàn toàn tỉnh đã xác định và xử lý được tổng cộng 410 lượt điểm nóng⁽⁹⁾ vi phạm Luật Lâm nghiệp; lực lượng Kiểm lâm đã xử lý và tham mưu các cấp xử lý 2.157 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (xử lý hành chính, xử lý khác: 2.034 vụ, khởi tố vụ án 123 vụ).

Thường xuyên quán triệt các đơn vị, địa phương có liên quan chú trọng công tác thường trực chỉ huy, tiếp nhận và xử lý thông tin vi phạm Luật Lâm nghiệp; luôn sẵn sàng về lực lượng, phương tiện, dụng cụ... để tham gia thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hoặc đột xuất phát sinh trên địa bàn (*công tác chữa cháy rừng, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp...*).

3. Điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng

a) Phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn: Tỉnh Kon Tum đã cơ bản hoàn thành việc phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Qua đợt tổng kiểm kê rừng năm 2014, hồ sơ quản lý rừng được củng cố, bổ sung và hoàn thiện, diện tích rừng và đất lâm nghiệp được cập nhật đầy đủ về chủ quản lý, chức năng, loại rừng và các thông tin có liên quan khác được số hóa trên bản đồ, phục vụ tốt cho việc quản lý, tra cứu, cập nhật các thông tin.

b) Giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái

và đơn vị trồng cao su trên đất lâm nghiệp; 115 lượt xã, thị trấn. Năm 2020: Tổ chức 49 đợt kiểm tra các nội dung liên quan đến hoạt động Lâm nghiệp về công tác QLBNR và PCCCR. Năm 2021: Tổ chức 21 đợt kiểm tra các nội dung liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp; Năm 2022: Tổ chức 22 đợt kiểm tra liên quan đến công tác QLBNR.

⁽⁸⁾ Năm 2017: tổ chức 08 cuộc thanh tra; Năm 2018: tổ chức 05 cuộc thanh tra; Năm 2019: tổ chức 05 cuộc Thanh tra; Năm 2021: tổ chức 02 cuộc Thanh tra; Năm 2022: tổ chức 05 cuộc Thanh tra.

⁽⁹⁾ Năm 2017: Phát hiện và xử lý 154 điểm nóng; Năm 2018: Phát hiện và xử lý: 118 điểm nóng; 6 tháng đầu năm 2019: Phát hiện 47 điểm nóng, xử lý dứt điểm 26 điểm nóng, hạn chế được 21 điểm nóng.

pháp luật: Công tác giải quyết tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật luôn được các địa phương quan tâm thực hiện và đã không để xảy ra các vụ việc tranh chấp kéo dài.

c) Việc giao, cho thuê đối với diện tích rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng do Ủy ban nhân dân xã đang quản lý

Năm 2018, tỉnh Kon Tum đã tổ chức rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững kết hợp với kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum với tổng diện tích 92.643,97 ha để làm cơ sở giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004.

Đến năm 2019, Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có hiệu lực thi hành. Theo đó Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để làm căn cứ giao rừng, cho thuê rừng. Tỉnh Kon Tum đã tiến hành giao đất, giao rừng với tổng diện tích 15.164,22 ha; cho các tổ chức kinh tế thuê rừng với tổng diện tích 7.520,24 ha để thực hiện các dự án trồng đầu tư phát triển dược liệu, nông nghiệp...

(Tổng hợp theo phụ lục 07)

d) Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đổi mới các Công ty nông lâm nghiệp và được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Văn bản số 1829/TTg-ĐMDN ngày 13 tháng 10 năm 2015. Trên cơ sở Phương án chung, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phê duyệt Đề án sắp xếp đổi mới của 07 Công ty lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quản lý; trong đó có 01 Công ty nhà nước 100% vốn điều lệ thực hiện sản xuất kinh doanh theo phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt là Công ty Lâm nghiệp Đăk Tô, các đơn vị còn lại sắp xếp theo mô hình Công ty Nhà nước 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích⁽¹⁰⁾.

⁽¹⁰⁾ Gồm các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Đăk Glei, Ngọc Hồi, Kon Plông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Sa Thầy, Đăk Tô và Ia H'Drai (trước đây là công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Hà).

Việc sắp xếp, đổi mới các Công ty lâm nghiệp góp phần giải quyết tình trạng giải quyết tình trạng đất cấp trùng, chồng lấn, lấn chiếm của các hộ gia đình, cá nhân tại các Công ty lâm nghiệp, đồng thời tạo sự đoàn kết, hợp tác, đồng thuận giữa người dân tại địa phương với doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển ổn định, bền vững, tạo việc làm, sinh kế cho người dân địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chủ động hơn trong công tác bảo vệ rừng, sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết tìm đối tác đầu tư tạo ra chuỗi sản xuất khép kín trong sản xuất kinh doanh từ trồng rừng - khai thác - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tạo được sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý và quản trị doanh nghiệp.

(Tổng hợp theo phụ lục 08)

4. Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tác động đến diện tích, chất lượng rừng

a) Giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch...: Từ năm 2017 đến 2022, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 18 dự án phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, tổng diện tích đã chuyển đổi 325,527 ha. Các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của dự án, hạn chế đến mức thấp nhất việc lợi dụng thi công công trình để vi phạm Luật Lâm nghiệp.

(Tổng hợp theo phụ lục 03)

b) Rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đối với các dự án cải tạo rừng tự nhiên: Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh không có các dự án cải tạo rừng tự nhiên. Tuy nhiên, chính sách khoán bảo vệ rừng cho người dân đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận dân cư sống gần rừng.

c) Rà soát, đánh giá các dự án chuyển đổi rừng sang trồng cao su, sản xuất nông nghiệp: Trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2022, trên địa bàn tỉnh Kon Tum không có chuyển đổi rừng sang trồng cao su, sản xuất nông nghiệp. Đối với các dự án đã chuyển đổi rừng sang trồng cao su trước 2016, hầu hết các dự án đã sử dụng đúng mục đích chuyển đổi, đảm bảo hiệu quả về kinh tế - xã hội, môi trường góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

(Tổng hợp theo phụ lục 04)

d) Đình chỉ, thu hồi đất đối với dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân vùng dự án: Từ năm 2017 đến 2022, trên địa bàn tỉnh có 01 dự án sai phạm về lĩnh

vực đất đai trong đó có đất rừng tự nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi diện tích giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông quản lý.

(Tổng hợp theo phụ lục 05)

đ) Xử lý nghiêm minh, công khai, minh bạch các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt, cấp phép đầu tư: Trong thời gian qua, không có tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt, cấp phép đầu tư.

(Tổng hợp theo phụ lục 06)

5. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được xác định trong các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự điều hành quyết liệt và thông suốt của chính quyền địa phương. Các quy định liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng được cụ thể hóa, triển khai thực hiện một cách có hiệu quả. Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của các ngành liên quan luôn được quan tâm, cơ bản đã huy động được toàn bộ hệ thống chính trị, người dân tích cực tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương phải chịu trách nhiệm chính đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý, hoặc để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Đã chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ luôn được chú trọng, kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh và xử lý nghiêm đối với các trường hợp buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao; người đứng đầu chịu trách nhiệm chính đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

Các đơn vị, địa phương đã nghiêm túc xử lý kỷ luật, xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp vi phạm hoặc buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra vi phạm Luật Lâm nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng mà không có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Trên địa bàn toàn tỉnh đã kỷ luật đối với 30 trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (*khiểm trách: 22 trường hợp, cảnh cáo: 03 trường hợp, cách chức: 05 trường hợp*).

(Tổng hợp theo phụ lục 09)

c) Trách nhiệm của công chức, viên chức chịu trách nhiệm chính đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý: Thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hầu hết công chức, viên chức đã thực hiện tốt nhiệm vụ QLBPTR. Tuy nhiên vẫn có một số trường hợp bị xử lý trách nhiệm trong thi hành công vụ, để xảy ra vi phạm Luật Lâm nghiệp. Trên địa bàn toàn tỉnh đã xử lý kỷ luật đối với 204 trường hợp, trong đó hình thức kỷ luật khiển trách: 129 trường hợp, cảnh cáo đối với 49 trường hợp, hạ bậc lương 08 trường hợp; cách chức 10 trường hợp; khởi tố hình sự đối với 08 trường hợp (06 trường hợp đã kết án phạt tù).

(Tổng hợp theo phụ lục 10)

6. Phát triển rừng, nâng cao giá trị của rừng

a) Quản lý nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp: Kiểm soát chất lượng giống cây trồng của các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng là khâu then chốt quyết định chất lượng rừng trồng; tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện gieo ươm và công bố tiêu chuẩn đảm bảo nguồn gốc, đạt chất lượng; khuyến cáo các tổ chức cá nhân sử dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật phải phù hợp với điều kiện lập địa tại địa phương; thực hiện trồng thử nghiệm quy mô nhỏ để đánh giá khả năng thích nghi của các loài trước khi nhân rộng mô hình (*Bạch đàn cự vĩ*). Hầu hết nguồn giống trồng rừng của các đơn vị chủ rừng đều có nguồn gốc đảm bảo, tuy nhiên vẫn có thời điểm chưa kiểm soát tốt nguồn giống trồng rừng được sử dụng trong nhân dân, vẫn còn tình trạng mua bán cây giống trên xe lưu động từ các nơi khác đến. Để giải quyết tình trạng này, các địa phương đã thành lập đoàn liên ngành kiểm tra định kỳ, đột xuất khi có hoạt động mua bán cây giống lưu động, cơ bản đã kiểm soát được chất lượng nguồn giống cây lâm nghiệp.

b) Đẩy mạnh trồng rừng đầu nguồn: Diện tích trồng rừng phòng hộ chủ yếu là thực hiện trồng rừng thay thế từ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Diện tích đất trồng quy hoạch lâm nghiệp chức năng phòng hộ chủ yếu manh mún, nhỏ lẻ, địa hình phức tạp gây khó khăn trong công tác thi công dự án; đơn giá trồng rừng phòng hộ của tỉnh vẫn thấp hơn so với các tỉnh lân cận, nguồn vốn đầu tư cho hoạt động trồng rừng của tỉnh còn hạn chế do đó vẫn chưa đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ tập trung.

c) Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác; nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn:

Các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc và đạt được kết quả khả quan, các dự án trồng rừng đã khép tán và bắt đầu cung ứng dịch vụ môi trường rừng (*như Dự án KfW10, Dự án trồng rừng thay thế; Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất;...*). Giai đoạn 2017-2022 đã trồng mới

được 11.686,56 ha rừng tập trung; trồng được 2.520.252 cây lâm nghiệp phân tán. Tỉnh Kon Tum trồng phổ biến chủ yếu các loài Thông, Keo, Bạch Đàn; năng suất rừng trồng đạt khoảng 10-12m³/ha/năm.

Khắc phục các hạn chế về thiếu vốn đầu tư trong lĩnh vực phát triển rừng, đã chỉ đạo các huyện, thành phố lập các Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở triển khai hỗ trợ từ nguồn tiền trồng rừng thay thế theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ; đồng thời yêu cầu các đơn vị chủ rừng sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng là nguồn thu của đơn vị để trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng của đơn vị để đạt mục tiêu đề ra, góp phần cải thiện chất lượng rừng, tăng độ che phủ rừng.

Đã tổ chức rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất và ban hành các chính sách về phát triển lâm nghiệp để thực hiện tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 về Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Ngoài ra, đã xây dựng Phương án thí điểm giao rừng gắn với hỗ trợ cộng đồng, hộ gia đình phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và triển khai từ năm 2018 đến nay, kết quả: đã hỗ trợ trồng 221 ha rừng tập trung; khoanh nuôi có trồng bổ sung 74,9 ha; người dân bước đầu có niềm tin với Nhà nước về các chính sách giao đất giao rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất.

Thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi rừng trồng nguyên liệu sang kinh doanh gỗ lớn, nâng cao giá trị rừng trồng thông qua hoạt động cấp chứng chỉ rừng (FSC), tập trung phát triển dược liệu dưới tán rừng (Sâm Ngọc Linh), góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, cải thiện sinh kế người dân trong khu vực. Hiện nay, Công ty Nguyên liệu giấy miền Nam đang tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng kinh doanh gỗ lớn (Thông ba lá) với diện tích 8.600 ha.

(Tổng hợp theo phụ lục 11)

d) Khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh phục hồi, bổ sung rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng: Giai đoạn 2017-2022 toàn tỉnh thực hiện khoanh nuôi phục hồi rừng (khoanh nuôi tự nhiên và khoanh nuôi có trồng bổ sung) được 1.174,98 ha.

đ) Kết quả trồng rừng thay thế

- Kết quả trồng rừng thay thế từ nguồn tiền trồng rừng thay thế các chủ đầu tư nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: Từ năm 2017 đến hết năm 2022, các đơn vị chủ rừng đã trồng được 186,7 ha, tiếp tục chăm sóc 1.498,06 ha rừng trồng thay thế đã trồng năm 2014, 2016. Từ năm 2019 đến hết năm 2021, đã hỗ trợ người dân trồng được 415,32 ha rừng.

- Kết quả trồng rừng thay thế từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 còn tồn (*thực hiện Văn bản số 456/TTg-KTN ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ*): Từ năm 2017 đến năm 2018, các đơn vị chủ rừng được giao chăm sóc 518,20 ha rừng trồng thay thế đã trồng năm 2015.

- Tình hình thu chi tiền trồng rừng thay thế:

+ Tổng diện tích phải trồng rừng thay thế trong giai đoạn 2017-2022 là 366,31 ha, đã thu số tiền là 25,73 tỷ đồng, lãi tiền gửi Kho bạc phát sinh là 0,11 tỷ đồng; lũy kế thu tiền trồng rừng thay thế từ năm 2013 đến hết năm 2022 là 91,71 tỷ đồng; ngoài ra, năm 2022 còn nhận tiền trồng rừng thay thế được thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam với số tiền 7,88 tỷ đồng.

+ Trong giai đoạn 2017-2022, đã giải ngân 43,13 tỷ đồng từ nguồn tiền các chủ đầu tư nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (*lũy kế chi từ năm 2014 đến hết năm 2022 là 76,90 tỷ đồng*) và 6,45 tỷ đồng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng còn tồn theo Văn bản số 456/TTg-KTN ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, trong năm 2022 đã chuyển kinh phí thiết kế lập dự toán và mời thầu cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Đắk Tô, Ngọc Hồi từ nguồn tiền trồng rừng thay thế được thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam là 0,25 tỷ đồng.

(Tổng hợp theo phụ lục 12)

7. Công tác quản lý, bảo vệ rừng và dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên

a) Công tác bảo vệ rừng

Từ năm 2017 đến 2022, tổng số vụ vi phạm được phát hiện trên toàn tỉnh là 2.130 vụ; trong đó số vụ vi phạm về vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép chiếm tỷ lệ lớn (*1.354 vụ chiếm 63,57% tổng số vụ vi phạm*). Khối lượng gỗ tịch thu 1.390,825 m³ gỗ tròn; 2.779,386 m³ gỗ xẻ. Tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm dần qua các năm, cụ thể: Năm 2018, số vụ vi phạm giảm 73 vụ so với năm 2017 (*tương đương giảm 12,85 %*); Năm 2019, số vụ vi phạm giảm 76 vụ so với năm 2018 (*tương đương giảm 15,35 %*); Năm 2021, số vụ vi phạm giảm 160 vụ so với năm 2020 (*tương đương giảm 44,32 %*); Năm 2022, số vụ vi phạm giảm 115 vụ so với năm 2021 (*tương đương giảm 57,21 %*).

Tổng số vụ vi phạm đã xử lý từ năm 2017 đến 2022 là 2.157 vụ, trong đó xử lý hình sự 123 vụ, xử lý hành chính 2.034 vụ. Tổng số tiền thu nộp ngân sách là 42.669.097.000 đồng.

(Tổng hợp theo phụ lục 13)

b) Dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên: Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thông báo 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ, từ tháng 7/2016 đến nay tỉnh Kon Tum không giao chỉ tiêu khai thác rừng, kể cả các chỉ tiêu khai thác

theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp chứng chỉ quốc tế FSC của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô. Từ năm 2017 đến 2022, căn cứ nhu cầu cấp thiết của phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Kon Tum đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển mục đích sử dụng một số diện tích rừng tự nhiên⁽¹¹⁾, và đã cấp phép khai thác tận dụng lâm sản trên diện tích này để giải phóng mặt bằng.

c) Kiểm soát việc chuyển diện tích rừng tự nhiên sang mục đích khác: Đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ diện tích rừng đang xem xét chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; yêu cầu không được tác động vào rừng khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra việc tác động vào rừng trong thời gian thẩm định, trình cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng phải thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời kiểm tra, giám sát hoạt động của các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, không để xảy ra việc lợi dụng thi công các công trình để vi phạm Luật Lâm nghiệp.

8. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

a) Kết quả quan hệ hợp tác song phương trong quản lý bảo vệ rừng vùng giáp ranh, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép lâm sản qua biên giới: Đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thiết lập mối quan hệ hợp tác bảo vệ rừng với các cơ quan chuyên môn tỉnh Attapeu, Sê Kông (Lào); đã 03 lần ký kết Bản ghi nhớ hợp tác bảo vệ rừng tại khu vực biên giới với Sở Nông lâm tỉnh Attapeu (Lào)⁽¹²⁾, 01 lần ký kết Bản ghi nhớ về cơ chế hợp tác ngăn chặn vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp giai đoạn 2022-2025 với Sở Nông lâm tỉnh Sê Kông (Lào), các cơ quan chức năng hai bên biên giới Việt - Lào, thuộc địa phận hai tỉnh Kon Tum và Attapeu đã phối hợp thực hiện 03 đợt tuần tra chung dọc tuyến đường biên giới và phía tỉnh Kon Tum đã tạo điều kiện⁽¹³⁾ cho phía tỉnh bạn Attapeu thực hiện nhiều đợt tuần tra riêng lẻ. Qua thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác

⁽¹¹⁾ 1. Dự án cụm công trình thủy lợi Ia H'Drai tại Văn bản 1962/TTg-NN ngày 21/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ; 2. Dự án Đường dây 220kv Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi tại Văn bản số 161/TTg-NN ngày 11/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; 3. Dự án thủy điện Đắk Re, Thủy điện Đắk Lô 2 tại Văn bản 161/TTg-NN ngày 11/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; 4. Dự án đường dây điện 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 tại Quyết định số 2025/QĐ-TTg ngày 14/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; 5. Dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 đoạn qua huyện Kon Plông tại Văn bản 346/TTg-NN ngày 19/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 6. Dự án Trạm cắt 220kV Bờ Y và các đường dây đấu nối cụm Nhà máy thủy điện Nam Kong 1,2,3 (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam tại Văn bản số 1758/TTg-NN ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽¹²⁾ Năm 2016: ký kết Biên bản ghi nhớ ngày 19 tháng 10 năm 2016; Năm 2018: Ký kết Biên bản ghi nhớ ngày 31 tháng 01 năm 2018; Năm 2019: Ký kết Biên bản ghi nhớ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

⁽¹³⁾ Ngày 31 tháng 3 năm 2017, lãnh đạo tỉnh Kon Tum và lãnh đạo tỉnh Attapeu đã kiểm tra thực tế dọc theo địa bàn đường biên giới Việt Nam – Lào; theo đó tỉnh Kon Tum thống nhất tạo điều kiện cho tỉnh Attapeu sử dụng đường biên giới của tỉnh Kon Tum trong trường hợp có vấn đề phát sinh trong khu vực biên giới phía tỉnh Attapeu mà phía tỉnh Attapeu không thể tiếp cận được hiện trường. Ngoài ra, tại Biên bản này, lãnh đạo hai tỉnh đã thống nhất một số nội dung có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thuộc khu vực biên giới hai tỉnh.

bảo vệ rừng tại khu vực biên giới đã phát hiện, ngăn chặn được nhiều vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp.

b) Kết quả huy động các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (vốn ODA, vay ưu đãi và hỗ trợ quốc tế...) cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Trong giai đoạn 2017 đến 2022, trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã huy động được 56.602 triệu đồng (trong đó vốn ODA không hoàn lại là 35.131 triệu đồng, vốn đối ứng là 21.471 triệu đồng), Dự án đã triển khai thực hiện đảm bảo theo mục tiêu ban đầu, cụ thể như hoàn thành hỗ trợ trồng 220,75 ha rừng sản xuất tại tiểu khu 570 xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum và tiểu khu 200a, xã Sa Loong huyện Ngọc Hồi; trồng 30 ha cây dược liệu - cây sa nhân tím (thôn 2 xã Hòa Bình 10 ha và thôn Đăk Vang, xã Sa Loong là 20 ha) góp phần duy trì trữ lượng gỗ ở diện tích rừng do dự án hỗ trợ, cải thiện tình trạng hệ sinh thái, tạo thu nhập thường xuyên từ các hoạt động tuần tra rừng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả đạt được

Qua triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW đã nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể đã thật sự quan tâm, thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đã phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của chủ rừng. Đặc biệt cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm, chú trọng đến tuyên truyền giáo dục đến cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng được thực hiện nghiêm túc theo Chỉ thị số 13-CT/TW và Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ.

Công tác phối hợp giữa các lực lượng được đồng bộ và chặt chẽ hơn, bước đầu đã có hiệu quả tốt. Công tác theo dõi, nắm bắt thông tin và chủ động tổ chức lực lượng triệt phá các điểm khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản cũng như phá rừng được thực hiện quyết liệt. Việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp đã thể hiện tinh thần kiên quyết đối với các trường hợp buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, đặc biệt là xử lý trách nhiệm người đứng đầu có liên quan đến tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn được giao quản lý, bảo vệ.

Công tác bảo vệ rừng được chú trọng, đảm bảo giữ vững và phát triển vốn rừng, diện tích rừng tự nhiên được quản lý, bảo vệ tốt, tăng khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường, bảo tồn tính đa dạng sinh học và cung cấp lâm sản. Đã thu hút một lực lượng đáng kể người dân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, làm cho ý thức bảo vệ rừng của người dân chuyển biến tích cực.

Các tổ chức, bộ máy, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo đủ chức năng, năng lực thực hiện các nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 13-CT/TW, quan điểm là thường xuyên luân chuyển cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, không bố trí cán bộ đã bị xử lý kỷ luật hoặc có dấu hiệu buông lỏng, vi phạm vào các chức danh lãnh đạo, tập trung giải quyết và tạo điều kiện cho lực lượng quản lý, bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng được hưởng các chế độ theo quy định, cải thiện đời sống và yên tâm công tác.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Hạn chế:

Tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh tuy giảm nhưng vẫn còn xảy ra. Việc xử lý các vụ việc vi phạm Luật Lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn nên không đủ sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng một số nơi chưa được nâng cao, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

Trình tự lập hồ sơ trồng rừng còn phức tạp, mức hỗ trợ cho người dân tham gia trồng rừng sản xuất, chuyển đổi phương thức canh tác sang trồng rừng còn thấp, chưa thu hút đầu tư.

2.2. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân khách quan

Diện tích rừng phân bố trên địa bàn rộng, chia cắt; lực lượng Kiểm lâm và lực lượng quản lý, bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng còn mỏng, chưa đủ mạnh nên khó khăn trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm. Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách phải làm việc ở vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh, giờ giấc nghiêm ngặt, khối lượng công việc nhiều, áp lực cao, trách nhiệm lớn nhưng thu nhập thấp, các chế độ đãi ngộ khác không có, vì thế ở một số đơn vị xảy ra tình trạng thôi việc, nghỉ việc, chuyển công tác, nghỉ hưu sớm... gây ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý bảo vệ rừng.

Đời sống một bộ phận người dân sống gần rừng còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định, sống phụ thuộc chủ yếu vào rừng... dẫn đến tình trạng phá rừng để lấy đất sản xuất, khai thác, vận chuyển, mua bán và

tàng trữ lâm sản trái pháp luật. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với đồng bào dân tộc thiểu số hầu như không thể thực hiện được vì người vi phạm không có khả năng chấp hành hoặc không có tài sản để cưỡng chế, dẫn đến tính giáo dục răn đe còn hạn chế.

Trình tự, thủ tục lập hồ sơ hỗ trợ trồng rừng, hồ sơ đấu thầu cây giống, đấu thầu trồng rừng rất phức tạp, mất nhiều thời gian (*thông qua kế hoạch đấu thầu, xây dựng hồ sơ mời thầu, công bố thầu trên mạng, chấm thầu...*) làm ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng khi đến thời vụ.

Mức hỗ trợ cho người dân trồng rừng thuộc các dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất còn thấp (tối đa là 10 triệu đồng/ha), chưa khuyến khích được người dân tham gia trồng rừng. Phạm vi thực hiện chính sách hỗ trợ gạo ăn khi tham gia trồng rừng quá hẹp (hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn) nên không khuyến khích được người dân chuyển đổi phương thức canh tác nương rẫy sang trồng rừng.

b. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quyết liệt trong công tác lãnh, chỉ đạo; chưa chủ động, kịp thời có các giải pháp phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng trên lâm phần được giao quản lý, của người đứng đầu các đơn vị chủ rừng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

Một bộ phận viên chức, người lao động làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng còn thiếu tinh thần, trách nhiệm, chưa cương quyết trong thực hiện nhiệm vụ, dễ xảy ra vi phạm gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

c. Bài học kinh nghiệm

Một là, xác định công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; công tác tuyên truyền nâng cao ý thức người dân đóng vai trò quan trọng.

Hai là, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phải được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự điều hành quyết liệt và thông suốt của chính quyền địa phương, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nhiệm vụ được giao của người đứng đầu, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của các ngành liên quan thì mới huy động được toàn bộ hệ thống chính trị và người dân tích cực tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng đạt hiệu quả cao. Từ thực tế cho thấy địa phương nào mà cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng sát thực tế, có chương trình hoạt động cụ thể, tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt thì ở đó rừng mới được quản lý, bảo vệ và phát triển đạt hiệu quả cao và lâu dài.

Ba là, thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng; phát huy vai trò trách nhiệm của chủ rừng, đặc biệt là việc

chủ động tuần tra kiểm tra rừng, phát hiện, ngăn chặn, báo cáo kịp thời các nguy cơ, các hành vi vi phạm.

Bốn là, coi trọng nắm bắt tin báo, tố giác những hành vi sai trái của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; các vụ vi phạm phải được điều tra, làm rõ và xử lý nghiêm theo quy định.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. NHẬN ĐỊNH, DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Quá trình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, công tác quản lý nhà nước trong lâm nghiệp đã đạt được những kết quả khả quan, diện tích rừng, chất lượng rừng trên địa bàn được duy trì và phát triển.

Các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh sẽ thay đổi theo hướng tận dụng, phát huy thế mạnh từ hệ sinh thái rừng và môi trường rừng hiện có như: phát triển du lịch sinh thái, phát triển nông - lâm nghiệp dưới tán rừng, khai thác tận dụng lâm sản ngoài gỗ,...

Nhóm ngành công nghiệp chế gỗ rừng trồng sẽ được tập trung đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến, sản xuất từ gỗ; về lâu dài tâm lý sử dụng các sản phẩm gỗ rừng tự nhiên của người dân sẽ được thay đổi và thay thế bằng sản phẩm chế biến từ gỗ rừng trồng.

Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp sẽ phải nâng cao tinh thần trách nhiệm và củng cố kiện toàn đủ mạnh để thực thi nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu đề ra; ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ rừng sẽ được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi trong thực tiễn.

Tuy vậy, trong thời gian tới dự báo tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp sẽ vẫn xảy ra vì thế cần tiếp tục tăng cường chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TIẾP THEO

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ có hiệu Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 34-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum. Thường xuyên rà soát những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tế.

2. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã, phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Thường

xuyên thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng và các hành vi tiêu cực khác theo quy định của pháp luật, đặc biệt là đối với cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, tiêu cực, bao che, tiếp tay các hành vi vi phạm; xây dựng lực lượng cơ sở đủ mạnh để thực thi hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng.

3. Chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân về công tác quản lý bảo vệ rừng. Tiếp tục phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý bảo vệ rừng và tố giác các hành vi vi phạm về bảo vệ và phát triển rừng, phát hiện nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

4. Quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng có sai phạm, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của Nhân dân; xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt, cấp phép đầu tư.

5. Thực hiện nghiêm việc thừa hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng; thường xuyên kiểm tra, giám sát trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của các đơn vị chủ rừng nhằm hạn chế tối đa tình hình xâm hại tài nguyên rừng; Kiểm tra, xác minh và xử lý dứt điểm các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp đã được phát hiện; Tăng cường thanh tra, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

6. Rà soát, xác định các “điểm nóng” về vi phạm Luật Lâm nghiệp, nắm chắc thông tin các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, kiên quyết xử lý kịp thời. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh theo các Quy chế, Kế hoạch phối hợp đã ký kết.

7. Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản và mộc dân dụng trên địa bàn; kiên quyết đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép các cơ sở vi phạm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới chế biến gỗ; ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng, di dời các cơ sở chế biến gỗ vào các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn các huyện, thành phố.

8. Chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, lực lượng chức năng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để hạn chế tình trạng dân di cư tự do đến địa bàn. Sắp xếp số dân di cư tự do tại các địa phương ổn định cuộc sống. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, hoàn thành việc giao đất, giao rừng, hoàn

thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng.

9. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 809/QĐ-TTg, ngày 12-7-2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 25-11-2021 của Tỉnh ủy Kon Tum về phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Chú trọng công tác phát triển rừng, lâm sản ngoài gỗ, đẩy mạnh trồng, sản xuất, chế biến các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu. Thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

10. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng, tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng của các chủ rừng, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng, để xảy ra cháy rừng, mất rừng; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy rừng; sẵn sàng tham gia chữa cháy, đảm bảo kịp thời, hiệu quả khi có cháy rừng xảy ra.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cũng như hệ thống quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp được triển khai thực hiện có hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét một số nội dung như sau:

1. Về cơ chế, chính sách

- Có cơ chế cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn vay ưu đãi thực hiện trồng rừng và hướng dẫn việc liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng sản xuất của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp.

- Xem xét có chủ trương, giải pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp để hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian tới, nhất là về mô hình hoạt động đối với các Công ty hoạt động dịch vụ công ích bảo vệ rừng đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính.

- Kịp thời ban hành cơ chế, chính sách để thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành lâm nghiệp nhằm tạo động lực và sự gắn bó lâu dài của người dân và các cộng đồng trong việc tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để quản lý, sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất, rừng.

- Xem xét chủ trương cho áp dụng chính sách miễn giảm tiền thuê rừng như chính sách miễn giảm tiền thuê đất việc để tạo điều kiện cho địa phương triển khai

việc kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư tìm hiểu và triển khai thực hiện các dự án dưới tán rừng kết hợp với việc quản lý, bảo vệ rừng.

- Có chính sách để lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng được hưởng các chế độ: phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp ưu đãi nghề....

- Ban hành chính sách cơ chế đặc thù cho ngành lâm nghiệp trong việc đấu thầu lựa chọn nhà thầu trồng rừng, cung ứng cây giống để kịp tiến độ và thời vụ trồng rừng.

- Xem xét ban hành chính sách nâng định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khuyến khích thu hút người dân tham gia trồng rừng, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp sang trồng rừng tập trung.

- Sớm ban hành Đề án thí điểm cho thuê dịch vụ môi trường rừng để nuôi, trồng dược liệu dưới tán rừng để các địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Sớm ban hành Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp; trong đó xem xét nâng định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất để khuyến khích thu hút người dân tham gia trồng rừng, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp sang trồng rừng tập trung (*định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất hiện nay là 10 triệu/ha là thấp, vẫn chưa thật sự thu hút được nhiều người dân tham gia trồng rừng*).

- Xem xét chủ trương thực hiện tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc sớm hơn so với thời hạn quy định nhằm tạo điều kiện cho các địa phương cả nước nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng tiến hành rà soát, điều tra, kiểm kê rừng sát với tình hình thực tế tại địa phương là cơ sở cho việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022. Đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành, xây dựng các Đề án, Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quản lý.

- Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; trong đó đề nghị phân cấp, ủy quyền các vấn đề chuyển mục đích sử dụng rừng đối với các Dự án đầu tư công và các dự án đầu tư ngoài ngân sách cho các địa phương để triển khai thực hiện theo như quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017, không phân biệt diện tích rừng tự nhiên hay rừng trồng; đồng thời có hướng dẫn cụ thể về vấn đề thuê rừng, thuê môi trường rừng, xác định giá cho thuê rừng, thuê môi trường rừng.

- Xem xét bãi bỏ Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã.

2. Về hỗ trợ kinh phí:

- Quan tâm bố trí đầy đủ vốn đầu tư phát triển để địa phương thực hiện các nhiệm vụ phát triển rừng và đầu tư hạ tầng lâm nghiệp; hỗ trợ kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp đảm bảo triển khai thực hiện các chính sách trong công tác quản lý bảo vệ rừng, đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng Kiểm lâm và các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Có cơ chế mở rộng các nội dung chi sử dụng các nguồn kinh phí thu được từ lâm nghiệp để tái đầu tư và hỗ trợ các chương trình, dự án phát triển rừng, như: nguồn tiền thu từ trồng rừng thay thế, tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Xem xét cân đối vốn cho tỉnh Kon Tum thực hiện việc phục hồi và phát triển rừng theo Đề án bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững vùng Tây nguyên theo Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Lâm nghiệp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- VP UBND tỉnh: CVP (t/d);
- Lưu: VT, NNTN.NTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp